

Số: *3640*/QĐ-BNN-KH

Hà Nội, ngày *05* tháng *9* năm *2016*

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình hành động thực hiện
Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 22/7/2016 của Chính phủ
về Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết
của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 142/2016/QH13 ngày 12/4/2016 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 142/2016/QH13 ngày 12/4/2016 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ NN&PTNT;
- Đảng ủy Bộ NN&PTNT;
- Đảng ủy Khối CS Bộ tại TP.HCM;
- Công đoàn Ngành NN&PTNT;
- Website Bộ NN&PTNT;
- Lưu: VT, KH. (200)

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Xuân Cường

Nguyễn Xuân Cường

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
của Bộ Nông nghiệp và PTNT thực hiện Nghị quyết số 63/NQ-CP
ngày 22/7/2016 của Chính phủ về Chương trình hành động triển khai
thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển
kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3640/QĐ-BNN-KH ngày 05/9/2016)

Ngày 22/7/2016, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 63/NQ-CP về Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 142/2016/QH13 ngày 12/4/2016 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020. Để thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Chương trình hành động với các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quán triệt và triển khai thực hiện đến các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và các Sở Nông nghiệp và PTNT tập trung tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020.

2. Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, định hướng phát triển ngành 5 năm 2016 - 2020 đã được Quốc hội, Chính phủ thông qua và 5 năm Kế hoạch 2016 - 2020 của ngành nông nghiệp và PTNT được Bộ ban hành; các nhiệm vụ đặt ra phải đáp ứng được yêu cầu, mục tiêu phát triển của đất nước, của Bộ, ngành và phù hợp với tình hình trong nước và quốc tế.

3. Chương trình hành động là căn cứ để các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và các Sở Nông nghiệp và PTNT theo chức năng nhiệm vụ được giao xây dựng Chương trình hành động, đồng thời tổ chức triển khai nhằm góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ phát triển ngành, phát triển đất nước 5 năm 2016 - 2020.

II. MỤC TIÊU

Mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm (2016 - 2020) là: *Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn giá trị gia tăng cao trên cơ sở phát huy các lợi thế so sánh và tổ chức lại sản xuất; áp dụng khoa học công nghệ để tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài, đáp ứng nhu cầu đa dạng trong nước và xuất khẩu; nâng cao thu nhập và đời sống của dân cư nông thôn; bảo vệ và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường.*

Các chỉ tiêu chính:

- Tốc độ tăng GDP toàn ngành đạt 2,5 - 3,0%/năm; tốc độ tăng giá trị sản xuất đạt 3,5 - 4%/năm, trong đó tốc độ tăng giá trị sản xuất trồng trọt là 2,5 - 3,0%/năm; chăn nuôi là 4 - 5%/năm; thủy sản là 5,5 - 6%/năm; lâm nghiệp là 6,5 - 7%/năm.

Hamb

- Đến năm 2020: Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt khoảng 38 tỷ USD; tỷ lệ che phủ rừng đạt 42%; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 96%; số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới khoảng 50%.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Phát triển kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, tạo môi trường và động lực cho phát triển ngành

- Tiếp tục tập trung nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo động lực mới cho phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 26/NQ-TW (khóa X) và Kết luận số 97-KL/TW ngày 09/5/2014 của Bộ Chính trị; hỗ trợ thực hiện tái cơ cấu ngành, thúc đẩy xây dựng nông thôn mới; trọng tâm là đổi mới và hoàn thiện chính sách đất đai, tín dụng, thương mại, thuế và chính sách thu hút nguồn lực xã hội cho phát triển nông nghiệp, nông thôn. Rà soát lại các văn bản pháp quy và các quy định quản lý ngành, loại bỏ các văn bản, quy định không còn phù hợp để điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện.

- Đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ và tổ chức thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính của Bộ giai đoạn 2016 - 2020. Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ thực thi các nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành của Bộ và các cơ quan, đơn vị. Nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015, tiếp tục rà soát, bãi bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp và công bố công khai, minh bạch các quy trình, thủ tục. Thực hiện Chính phủ điện tử theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015.

Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, giám sát và tiết kiệm nguồn lực, giảm chi phí. Đến năm 2020 có 100% dịch vụ công trực tuyến được thực hiện ở mức độ 3 và một số dịch vụ công phổ biến liên quan đến người dân và doanh nghiệp thực hiện ở mức độ 4.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về ngành, nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện, các quy định quản lý chuyên ngành xuất khẩu và nhập khẩu, quy định về kiểm tra, kiểm định và an toàn vệ sinh thực phẩm nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của ngành. Tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường, chăn nuôi, thủy sản, thực phẩm. Nâng cao hiệu quả các hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa nông sản giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian và chi phí.

- Hoàn thành việc rà soát, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp theo Quyết định số 124/2012/QĐ-TTg ngày 02/2/2012 để phục vụ tái cơ cấu ngành; tổ chức rà soát, điều chỉnh và xây dựng mới các quy hoạch sản phẩm chủ yếu phù hợp với nhu cầu thị trường để làm cơ sở cho việc định hướng và phân bổ hợp lý, hiệu quả các yếu tố đầu

Handwritten signature
2

vào (đất đai, tài nguyên, vốn, lao động, khoa học kỹ thuật...) phục vụ sản xuất kinh doanh nông nghiệp hàng hóa, quy mô lớn, cạnh tranh quốc tế.

2. Đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất và sức cạnh tranh của ngành, sản phẩm nông, lâm, thủy sản

a) Xây dựng nền nông nghiệp phát triển theo hướng hiện đại, bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới, góp phần đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng

- Tập trung thực hiện đồng bộ, hiệu quả nội dung và các giải pháp tái cơ cấu ngành nông nghiệp đã được phê duyệt tại Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ; phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn, tập trung theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất nguyên liệu với bảo quản, chế biến và tiêu thụ trên cơ sở phát huy lợi thế sản phẩm và lợi thế vùng, miền, phù hợp với nhu cầu thị trường; tăng cường ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, khoa học công nghệ nhằm tăng năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh; phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản để giảm tổn thất và nâng cao giá trị gia tăng.

- Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; rà soát lại quy hoạch các loại cây trồng chính, đồng thời thực hiện các giải pháp quy trình kỹ thuật để cải tạo và tái canh vườn cây lâu năm (cây công nghiệp, cây ăn quả...), phổ biến áp dụng các quy trình sản xuất tốt nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn tài nguyên và tăng thu nhập cho người dân.

Giai đoạn 2016 - 2020, tốc độ tăng giá trị sản xuất (GTSX) trồng trọt 2,5-3,0%/năm; giá trị sản phẩm trên một ha đất trồng trọt đạt 120 triệu đồng; tăng cường áp dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao nhằm tăng năng suất, chất lượng, giảm giá thành và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.

- Trong chăn nuôi, tập trung cải tạo giống và nâng cao năng suất, chất lượng đàn vật nuôi; từng bước chuyển chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi tập trung theo mô hình trang trại, gia trại; duy trì chăn nuôi nông hộ nhưng theo hình thức công nghiệp, ứng dụng khoa học kỹ thuật; kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng chất cấm, chất độc hại trong chăn nuôi và tăng cường thực hiện các biện pháp an toàn dịch bệnh, an toàn môi trường trong chăn nuôi; phát triển mạnh công nghiệp chế biến và thị trường sản phẩm chăn nuôi.

Giai đoạn 2016 - 2020, tốc độ tăng GTSX chăn nuôi 4-5%/năm; mục tiêu đến năm 2020: Đàn trâu đạt khoảng 2,7 triệu con; đàn bò 5,6 triệu con (tăng tỷ lệ bò lai đạt 70%, đàn bò sữa khoảng 425 ngàn con); đàn lợn đạt 28,7 triệu con (lợn ngoại và lợn lai đạt trên 93%, lợn nái khoảng 3,5 triệu con); đàn gia cầm 381 triệu con (đàn gà lông màu chiếm trên 60%). Sản lượng thịt hơi các loại đạt 6,3 triệu tấn (thịt lợn hơi xuất khẩu đạt 1 triệu tấn), trứng 10 tỷ quả, sữa tươi 900 ngàn tấn. Sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp 19,34 triệu tấn.

- Phát triển đồng bộ khai thác và nuôi trồng thủy sản. Tổ chức lại sản xuất trên biển để nâng cao hiệu quả hoạt động khai thác thủy sản, bảo vệ nguồn lợi và góp phần

hmb

giữ vững an ninh biển đảo quốc gia. Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng đa dạng hóa đối tượng và phương thức nuôi với cơ cấu diện tích và sản lượng phù hợp; đẩy mạnh áp dụng thực hành nuôi trồng thủy sản tốt, nuôi thâm canh công nghệ cao, an toàn sinh học và bảo vệ môi trường sinh thái.

Giai đoạn 2016 - 2020, tốc độ tăng GTSX thủy sản 5,5-6%/năm; mục tiêu đến năm 2020: Giữ ổn định sản lượng ở mức 2,4 - 2,6 triệu tấn/năm; trong đó sản lượng khai thác xa bờ khoảng 63,6% (1,4 - 1,53 triệu tấn); chuyển đổi cơ cấu thuyền/ngành khai thác, tập trung vào các đối tượng có giá trị kinh tế, có khả năng xuất khẩu như tôm, mực, bạch tuộc, cá ngừ, cá thu, nhóm cá nổi lớn... Sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 4,5 triệu tấn; phát triển nuôi trồng các sản phẩm chủ lực (tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cá tra, cá rô phi...); tăng cường nuôi biển tại các vùng biển xa, ven các hải đảo, mở rộng nuôi trồng rong biển; từng bước tự chủ về giống tôm sú, tôm chân trắng sạch bệnh; đẩy mạnh liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, truy suất nguồn gốc trong nuôi trồng thủy sản.

- Quản lý, sử dụng bền vững, hiệu quả diện tích rừng tự nhiên, tăng tỷ lệ rừng kinh tế trong tổng diện tích rừng; nâng cao hiệu quả kinh tế của rừng trồng theo hướng phát triển lâm nghiệp đa chức năng, trồng rừng gỗ lớn, gỗ quý và lâm sản ngoài gỗ; nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm gỗ qua chế biến; phát triển thị trường gỗ và sản phẩm gỗ; phát triển kinh tế hợp tác và liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm trong lâm nghiệp và phát triển dịch vụ môi trường rừng.

Giai đoạn 2016 - 2020, tốc độ tăng GTSX lâm nghiệp 6,5 - 7%/năm. Bảo vệ, phát triển và sử dụng hiệu quả, bền vững diện tích rừng hiện có và quỹ đất được quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp; chuyển mạnh sang nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị kinh tế của từng loại rừng, nâng cao mức đảm bảo cung cấp gỗ nguyên liệu cho công nghiệp chế biến đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu; tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người làm nghề rừng, góp phần xóa đói, giảm nghèo, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

- Triển khai các giải pháp cải tạo nâng cấp và hiện đại hóa các đồng muối hiện có, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng sản lượng muối công nghiệp, nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành muối, cải thiện thu nhập cho diêm dân.

Đến năm 2020 diện tích sản xuất muối ước đạt 14.500 ha; sản lượng muối đạt 2 triệu tấn. Nhân rộng mô hình sản xuất muối sạch, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng sản lượng, giảm thiểu sự ảnh hưởng của thời tiết và thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường; hướng dẫn và hỗ trợ diêm dân chuyển đổi diện tích sản xuất muối thủ công, chất lượng và hiệu quả thấp sang nuôi trồng thủy sản hoặc ngành nghề khác.

- Tiếp tục đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, trọng tâm là phát triển các doanh nghiệp nông nghiệp và các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ kết nối liên vùng và với hệ thống tiêu thụ toàn cầu; đẩy mạnh đổi mới và phát triển các hợp tác xã nông nghiệp theo Luật Hợp tác xã. Chuyển mô hình sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ, thiếu liên kết, chủ yếu ở quy mô hộ sang mô hình sản xuất quy mô lớn, tập trung dựa vào doanh nghiệp, hợp tác xã và trang trại.



- Đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Tập trung phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng hàng hóa, bền vững, nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho cư dân nông thôn; khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, làm chuyển biến rõ nét môi trường, cảnh quan nông thôn theo hướng xanh - sạch - đẹp; cơ bản hoàn thành hệ thống hạ tầng thiết yếu trên địa bàn thôn, xã trực tiếp gắn với phát triển sản xuất, đời sống của người dân, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và từng bước ứng phó với biến đổi khí hậu; xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

b) Phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản và công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn

- Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tăng nhanh hơn tỷ trọng của công nghiệp, dịch vụ, thương mại. Xây dựng và phát triển các khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Phát triển mạnh công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn, nhất là công nghiệp phụ trợ, công nghiệp chế biến các phế phụ phẩm nông nghiệp tạo sản phẩm có giá trị gia tăng cao; sản xuất vật tư và máy nông nghiệp; giảm chi phí đầu vào, nâng cao hiệu quả sản xuất.

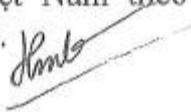
- Phát triển công nghiệp chế biến sâu, chế biến tinh, chế biến sản phẩm ăn liền để nâng cao giá trị gia tăng cao; thực hiện các chính sách mạnh mẽ khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn, nhất là các ngành chế biến, tiêu thụ nông, lâm, thủy sản, sử dụng nguyên liệu, lao động tại chỗ làm nòng cốt phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn.

- Đẩy mạnh cơ giới hóa trong nông nghiệp; rà soát, đề xuất bổ sung chính sách hỗ trợ giảm tổn thất sau thu hoạch; phân đấu giá trị gia tăng các ngành hàng nông lâm thủy sản tăng bình quân 20% so với hiện nay; 100% các cơ sở chế biến nông lâm thủy sản xây dựng mới và phân đấu 70% cơ sở đã xây dựng từ trước được cải tạo, nâng cấp đạt các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

c) Đẩy mạnh phát triển thương mại, dịch vụ nông nghiệp; tăng cường xuất khẩu; triển khai có hiệu quả các chương trình, kế hoạch xúc tiến thương mại để mở rộng thị trường, xây dựng thương hiệu hàng nông lâm thủy sản

- Thực hiện các giải pháp hỗ trợ nông dân, doanh nghiệp trong sản xuất, chế biến, xây dựng phát triển thương hiệu lớn, có uy tín, gắn với chỉ dẫn địa lý, quảng bá sản phẩm; chú trọng phát triển thương mại điện tử, phát triển thị trường tiêu thụ nông sản, các kênh phân phối, đa dạng hóa thị trường, nhất là phát triển các thị trường tiềm năng, thị trường "ngách" để tiêu thụ các sản phẩm có giá trị gia tăng cao.

- Xây dựng kế hoạch nâng cao khả năng cạnh tranh, nâng cao chất lượng sản phẩm đối với những mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực. Triển khai có hiệu quả Đề án phát triển thương hiệu gạo Việt Nam theo Quyết định số 706/QĐ-TTg ngày 21/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ.



- Đẩy mạnh thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030. Tập trung giải quyết các rào cản thương mại, đàm phán và ký kết các thỏa thuận công nhận lẫn nhau trong kiểm dịch, bảo vệ thực vật và vệ sinh an toàn thực phẩm tạo thuận lợi cho xuất khẩu; tăng cường năng lực nghiên cứu, dự báo và thông tin thị trường để kịp thời định hướng tổ chức sản xuất, tiêu thụ nông sản hàng hóa; đổi mới phương thức thu thập, phân tích thông tin, dự báo thị trường, đặc biệt là những thị trường trọng điểm như Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản, EU, Trung Quốc...

Xây dựng, hoàn thiện chính sách và tổ chức lực lượng để hỗ trợ doanh nghiệp về các vấn đề pháp lý giải quyết tranh chấp thương mại, giảm thiểu rủi ro trong hội nhập quốc tế.

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại nội địa và khuyến khích tiêu dùng nội địa; thực hiện tốt cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"; xây dựng hình ảnh sản phẩm thông qua chất lượng cao, đảm bảo an toàn thực phẩm và phù hợp thị hiếu người tiêu dùng; nâng cao hiệu quả hoạt động hội chợ, triển lãm với sự tham gia của cộng đồng, nhất là của các doanh nghiệp lớn.

- Xử lý nghiêm và công bố công khai các hành vi gian lận thương mại, vi phạm các qui định về chất lượng, an toàn thực phẩm, cạnh tranh không lành mạnh làm mất uy tín sản phẩm nông lâm thủy sản Việt Nam.

- Đẩy mạnh quá trình đổi mới tổ chức, hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015, nhằm tăng chất lượng cung cấp dịch vụ công, bảo đảm hiệu quả các hoạt động; xác định giá trị và giao tài sản cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý theo quy định của Chính phủ. Rà soát, phân loại đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện chuyển đổi thành công ty cổ phần, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục và phương án chuyển đổi theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015.

3. Đẩy mạnh thực hiện đột phá chiến lược về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ phát triển ngành Nông nghiệp và PTNT

- Tiếp tục huy động các nguồn lực để phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, tăng cường năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; cơ bản nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn xã, bao gồm cả các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và tăng hưởng thụ cho cư dân nông thôn.

- Tiếp tục củng cố và phát triển hệ thống thủy lợi, hạ tầng nông nghiệp, nông thôn phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh và các hoạt động kinh tế khác. Các chương trình trọng tâm gồm:

+ Phát triển thủy lợi, đê điều và phòng chống và giảm nhẹ thiên tai: Tập trung thực hiện Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/6/2012 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 (khóa XI) về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 và Chương trình hành động của Bộ về xây dựng, phát triển hạ tầng (Quyết định số 1602/QĐ-BNN-KH ngày 06/7/2012), Đề án

Handwritten signature
6

tái cơ cấu lĩnh vực thủy lợi và Đề án nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi, Chiến lược phòng chống giảm nhẹ thiên tai.

+ Phát triển hạ tầng phục vụ sản xuất nông, lâm, thủy sản: Tiếp tục đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở hạ tầng sản xuất nông, lâm, thủy sản thông qua Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư; Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững; Chương trình mục tiêu lâm nghiệp bền vững; ưu tiên các công trình, dự án phục vụ tái cơ cấu ngành.

Tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ công (khuyến nông, thú y, bảo vệ thực vật, các phòng/trung tâm kiểm nghiệm, kiểm chứng chất lượng, an toàn thực phẩm, các Trung tâm quan trắc, cảnh báo môi trường...) và tăng cường năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước, năng lực cho lực lượng kiểm lâm, kiểm ngư.

4. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

- Tổ chức triển khai có hiệu quả, đúng tiến độ các nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và PTNT (phê duyệt tại Quyết định số 2484/QĐ-BNN-QLDN ngày 20/6/2016) thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ: số 19-2016/NQ-CP ngày 28/4/2016 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016 - 2017, định hướng đến năm 2020; số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.

- Tạo môi trường thuận lợi hỗ trợ cho doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo trong ngành; phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, các địa phương hoàn thiện và tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013.

- Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư liên kết hình thành các vùng, khu nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao với các nhóm sản phẩm có khả năng cạnh tranh cao. Đẩy mạnh đầu tư phát triển các địa bàn có nhiều khó khăn, nhất là miền núi, biên giới, hải đảo.

- Định kỳ tổ chức đối thoại với doanh nghiệp để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh của ngành. Tăng cường thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa, cơ chế Hải quan quốc gia một cửa - một điểm dừng.

- Từng bước xã hội hóa dịch vụ công, phát triển các hình thức đối tác công tư, hợp tác công tư; thu hút vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế ngoài nhà nước.

- Đối với doanh nghiệp nhà nước, tiếp tục sắp xếp, đổi mới và nâng cao chất lượng quản trị, hiệu quả hoạt động, thực hiện kế hoạch cổ phần hóa theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17/7/2012 và Chỉ thị số 06/CT-TTg ngày 12/3/2014; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, giám sát doanh nghiệp nhà nước; thực hiện minh bạch, công khai hóa thông tin về hoạt động, tình hình

Hmb

tài chính của doanh nghiệp; kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật.

Tiếp tục tổ chức kiểm tra, giám sát và đôn đốc các địa phương, đơn vị thực hiện sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị và Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 trên cơ sở Phương án tổng thể đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

5. Phát triển nông nghiệp bền vững gắn kết và thúc đẩy phát triển các vùng kinh tế, khu kinh tế, kinh tế biển và tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo

- Tăng cường các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện quy hoạch sản xuất gắn với lợi thế và nhu cầu thị trường, kết hợp quy hoạch ngành, vùng, lãnh thổ với phát triển công nghiệp, dịch vụ, đô thị để xây dựng kế hoạch phát triển và kế hoạch đầu tư. Hoàn thành rà soát các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, các Đề án/Kế hoạch tái cơ cấu các chuyên ngành, lĩnh vực.

- Tổ chức lại sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong nông nghiệp phù hợp với điều kiện cụ thể từng vùng, miền, sản phẩm, ngành hàng. Có cơ chế, chính sách phù hợp để phát triển và tiêu thụ đối với các nhóm sản phẩm (sản phẩm lợi thế quốc gia, sản phẩm lợi thế địa phương và nhóm đặc sản vùng, miền).

- Tập trung phát triển kinh tế biển gắn với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển đảo và thực hiện Chiến lược Biển Việt Nam. Triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản theo các Nghị định của Chính phủ: số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 và số 89/2015/NĐ-CP ngày 07/10/2015. Rà soát hoàn thiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ và bảo vệ ngư dân đánh bắt hải sản xa bờ. Tổ chức lại sản xuất trên biển để nâng cao hiệu quả hoạt động khai thác thủy sản, bảo vệ nguồn lợi và góp phần giữ vững an ninh biển đảo quốc gia. Hỗ trợ, giúp đỡ nhân dân vùng biển và hải đảo thành lập các hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ liên kết đánh bắt hải sản xa bờ, xây dựng các cơ sở hậu cần trên biển nhằm hỗ trợ ngư dân trong chế biến, bảo quản hải sản; phối hợp xây dựng hệ thống thông tin liên lạc, cảnh báo kịp thời thiên tai cho nhân dân, tăng cường phương tiện cứu hộ, cứu nạn trên biển gắn với nhiệm vụ quốc phòng an ninh trên biển. Phối hợp quản lý, tuyên truyền, hướng dẫn ngư dân không đánh bắt hải sản trên các ngư trường xâm phạm chủ quyền của nước khác.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở hậu cần nghề cá, các khu neo đậu tránh trú bão, chợ cá. Xây dựng theo lộ trình các Trung tâm nghề cá lớn.

6. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tái cơ cấu đầu tư để tập trung vốn đầu tư công cho các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách

- Tiếp tục thực hiện Luật Đầu tư công, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 ngày 28/8/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

- Tập trung vốn đầu tư công cho các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách (nâng cao năng lực phòng chống thiên tai, năng lực quản trị ngành và các lĩnh vực còn nhiều dư

Handwritten signature
8

địa cho tăng trưởng ngành). Thực hiện điều chỉnh cơ cấu đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước thông qua điều chỉnh các ưu tiên đầu tư và phương thức đầu tư theo định hướng tái cơ cấu ngành; chấm dứt đầu tư dàn trải, kéo dài.

Nâng cao chất lượng công tác đấu thầu, kiểm soát chặt chẽ quá trình thi công, xây dựng, chống thất thoát, lãng phí; nâng cao chất lượng công trình xây dựng; tăng cường thanh tra, kiểm tra chuyên ngành việc chấp hành Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và các quy định pháp luật về kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công.

- Xây dựng các cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; phát triển các hình thức đầu tư có sự tham gia giữa nhà nước và tư nhân theo Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư, để huy động nguồn lực xã hội cho phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Chiến lược thu hút ODA, thu hút FDI; các chương trình, kế hoạch tăng cường và mở rộng hợp tác với các quốc gia, các tổ chức quốc tế để tranh thủ, thu hút nguồn vốn, phát triển thị trường, khoa học công nghệ và đầu tư ra nước ngoài phục vụ cho các mục tiêu phát triển của ngành.

Nâng cao hiệu quả huy động các nguồn ODA, các nguồn đầu tư xã hội, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho thực hiện phát triển bền vững; thu hút đầu tư có lựa chọn, bảo đảm hài hòa cả lợi ích kinh tế - xã hội và môi trường, kiên quyết không đánh đổi môi trường vì lợi ích kinh tế.

- Xây dựng kế hoạch tuyên truyền triển khai thực hiện các điều ước và thỏa thuận quốc tế song phương, đa phương đã ký kết; hỗ trợ và giám sát việc thực hiện các điều ước và thỏa thuận quốc tế có hiệu quả, nhất là trong khuôn khổ Cộng đồng ASEAN và các Hiệp định thương mại tự do, Hiệp định TPP.

7. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ

a) Đẩy mạnh đào tạo nghề cho nông dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của ngành

- Đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả công tác đào tạo lao động nông nghiệp theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009, số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 (giai đoạn 2016 - 2020 đào tạo nghề nông nghiệp cho 1,4 triệu lao động nông thôn, bình quân 280 ngàn người/năm). Chuyển mạnh sang đào tạo theo nhu cầu của lao động, doanh nghiệp và thị trường để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn. Nghiên cứu, đề xuất cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ để khuyến khích doanh nghiệp tư nhân tham gia đào tạo nghề cho nông dân. Gắn đào tạo nghề với thúc đẩy chuyển giao công nghệ mới, kỹ thuật tiên tiến và quy trình sản xuất mới cho các hộ nông dân.

- Tiếp tục thực hiện quy hoạch nguồn nhân lực và Đề án nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của ngành đã được phê duyệt; kiện toàn tổ chức và tăng cường năng lực bộ máy quản lý ngành; thực hiện hiệu quả Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 25/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Nội vụ.

hmb

- Rà soát, quy hoạch lại và tăng cường năng lực hệ thống cơ sở giáo dục, đào tạo thuộc Bộ đáp ứng yêu cầu phục vụ tái cơ cấu ngành và xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục đổi mới, giao quyền tự chủ và nâng cao trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục và đào tạo theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động giảng dạy, nghiên cứu, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và nâng cao chất lượng đào tạo, học tập.

b) Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ

- Tăng cường nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ, bao gồm cả công nghệ cao trong tất cả các lĩnh vực sản xuất, chế biến và dịch vụ của ngành nhằm tạo đột phá về năng suất, giá trị, chất lượng cây trồng, vật nuôi, nâng cao khả năng cạnh tranh, hiệu quả; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Xây dựng và thực hiện Đề án đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ ngành nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2016 - 2020. Tập trung nguồn lực đầu tư nghiên cứu, giải quyết các vấn đề quan trọng bức thiết của ngành; ứng dụng sâu rộng công nghệ sinh học, công nghệ thông tin vào sản xuất, quản lý.

- Rà soát, nghiên cứu bổ sung và hoàn thiện chính sách phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1895/QĐ-TTg ngày 17/12/2012, số 575/QĐ-TTg ngày 04/5/2015, số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015; các chính sách khuyến khích hoạt động đổi mới sáng tạo; chính sách khuyến khích doanh nghiệp tham gia nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ; thực hiện chính sách đặt hàng cho các nhiệm vụ khoa học; hình thành các Trung tâm khoa học công nghệ cho các vùng trọng điểm nông nghiệp.

- Xây dựng các gói hỗ trợ kỹ thuật để hướng dẫn người dân, doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh; thực hiện việc phân cấp hoạt động khuyến nông cho các tổ chức của nông dân và doanh nghiệp; chuyển giao một số dịch vụ công trong khoa học cho doanh nghiệp thực hiện.

- Đẩy nhanh xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong các lĩnh vực thuộc ngành giai đoạn 2016 - 2020, tập trung hoàn thiện các quy chuẩn, tiêu chuẩn phục vụ quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, chất lượng và an toàn thực phẩm; hài hoà hoá tiêu chuẩn khu vực, quốc tế để thúc đẩy mở rộng thị trường xuất khẩu.

8. Thực hiện tốt các chính sách xã hội, giảm nghèo và nâng cao đời sống của nông dân

- Phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan (chủ trì phụ trách từng tiêu chí trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020), các địa phương triển khai thực hiện có kết quả, hiệu quả tốt các tiêu chí về văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao, y tế, giáo dục, đào tạo, lao động, việc làm, môi trường, thông tin, truyền thông...

- Tiếp tục phối hợp triển khai thực hiện Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ 2011 - 2020, trọng tâm là thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020; giảm tỷ lệ hộ nghèo ở khu vực nông thôn 1,5 - 2%/năm... Đồng thời, tiếp tục triển khai

Handwritten signature

và hướng dẫn các địa phương thực hiện dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững, tạo điều kiện để đồng bào tiếp cận tiến bộ kỹ thuật mới, nâng cao năng suất và thu nhập.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các hoạt động hỗ trợ sản xuất, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho nông dân, nhất là tại các xã nghèo, huyện nghèo; thực hiện cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng gắn với giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015; trình Chính phủ ban hành và tổ chức triển khai thực hiện Nghị định về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp để giảm nghèo giai đoạn 2016 - 2020.

- Kết hợp, lồng ghép thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi; hỗ trợ các xã, thôn, bản vùng bãi ngang, ven biển, hải đảo, vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do, khu rừng đặc dụng; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng an ninh, phát triển bền vững kinh tế, xã hội khu vực biên giới, biển đảo.

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm:

+ Hoàn thiện hệ thống cơ sở pháp lý cho hoạt động quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm và xây dựng lực lượng, tăng cường năng lực quản lý để nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm để tháo gỡ rào cản, tạo thuận lợi cho xuất khẩu và tiêu thụ hàng nông sản; giải quyết tốt hơn những bức xúc của xã hội về vấn đề an toàn thực phẩm, bảo vệ sản xuất và người tiêu dùng.

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án tăng cường năng lực quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản giai đoạn 2016 - 2020... Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản.

+ Triển khai các chương trình giám sát an toàn thực phẩm, đôn đốc, kiểm tra các địa phương thực hiện Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT; thống kê, kiểm tra phân loại, tái kiểm tra các cơ sở loại C và xử lý vi phạm, trong đó tập trung vào các nhóm sản phẩm đang gây bức xúc về chất lượng, an toàn thực phẩm như phân bón, thức ăn chăn nuôi/thủy sản, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y; cơ sở sản xuất rau ăn lá, cơ sở giết mổ gia súc gia cầm, cơ sở sơ chế, chế biến nông, lâm, thủy sản...

+ Tăng cường kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản nhập khẩu theo quy định tại Thông tư số 12/2015/TT-BNNPTNT ngày 16/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT; kiểm soát chặt chẽ các lô hàng nông sản nhập khẩu; phối hợp với các lực lượng chức năng duy trì kiểm soát ngăn chặn gia súc gia cầm nhập lậu, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

9. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; tham gia thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh; trong đó tập trung khắc phục hiệu quả hạn hán, xâm nhập mặn ở các tỉnh vùng Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Đồng bằng sông

Handwritten signature
11

Cứu Long; tăng cường đổi mới và sử dụng công nghệ tiên tiến tiết kiệm tài nguyên, chi phí đầu vào cho sản xuất; tăng cường tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức cho cộng đồng về công tác bảo vệ, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn lợi, tài nguyên: đất, nước, rừng, biển...

Phát triển cơ sở hạ tầng, nâng cao năng lực quan trắc trực canh và cảnh báo thiên tai ở các vùng có nguy cơ cao nhằm chủ động phòng, chống và giảm nhẹ thiệt hại: Hoàn thành dự án đầu tư “Xây dựng hệ thống trực canh, cảnh báo thiên tai, đa mục tiêu” tại 13 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương¹ và các dự án vốn vay ODA. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” theo Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13/7/2009.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc sử dụng đất canh tác nông nghiệp, đặc biệt là đất lúa; nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp về sử dụng đất đúng mục đích phát triển sản xuất theo quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt. Sử dụng tiết kiệm, không bỏ đất hoang, không làm ô nhiễm, thoái hóa đất; canh tác đúng kỹ thuật, thực hiện luân canh, tăng vụ để nâng cao hiệu quả, cải tạo, làm tăng độ màu mỡ của đất, bảo vệ môi trường sinh thái; chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả sang các cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn.

- Tăng diện tích trồng rừng mới, đẩy mạnh khôi phục rừng phòng hộ, rừng ngập mặn ven biển; bảo vệ, phát triển và sử dụng hiệu quả, bền vững diện tích rừng hiện có và quỹ đất được quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp; phát huy có hiệu quả các chức năng phòng hộ, bảo vệ môi trường sinh thái và tính đa dạng sinh học của rừng; thực hiện chính sách quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu theo Nghị định số 119/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ. Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 112/2015/NQ-QH13 của Quốc hội về tăng cường quản lý đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp, ban quản lý rừng và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác sử dụng. Thực hiện nghiêm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về đóng cửa rừng tự nhiên.

- Tổ chức thực hiện quy hoạch khai thác hải sản cho từng vùng biển ven bờ, từng nghề; phát triển các mô hình đồng quản lý nghề cá; xây dựng các mô hình chuyên đổi nghề, tạo sinh kế thay thế cho các nghề khai thác hải sản ảnh hưởng đến nguồn lợi và môi trường; nghiêm cấm sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản và tăng cường bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

Hình thành hệ thống các khu bảo tồn biển, bảo tồn vùng nước nội địa nhằm bảo vệ, phục hồi, tái tạo nguồn lợi thủy sản, nhất là các loài thủy sản quý hiếm, có giá trị kinh tế và khoa học cao, bảo vệ hệ sinh thái thủy sinh tại các vùng nước nội địa; hạn chế khai thác quá mức vùng ven bờ.

- Phối hợp quản lý tốt nguồn nước của các lưu vực sông và hệ thống thủy lợi bảo đảm các quá trình khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, phục vụ có hiệu quả sự phát triển kinh tế - xã hội trước mắt và lâu dài. Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả các hồ chứa, tiết kiệm nước, chủ động xây dựng phương án phòng chống thiên tai. Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong quản lý, khai thác, sử dụng bền vững nguồn

¹ Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu.

shnb

nước, bảo đảm cân bằng sinh thái, giữ gìn đa dạng sinh học các vùng nước nội địa ở mức độ cao. Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch thủy lợi trong điều kiện thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Tổ chức thực hiện Quyết định số 1373/QĐ-BNN-CB ngày 20/6/2014 của Bộ về triển khai Quyết định số 577/QĐ-TTg ngày 11/4/2013 phê duyệt Đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

10. Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của Bộ, ngành Nông nghiệp và PTNT

- Đẩy mạnh và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Phát huy vai trò giám sát của các đoàn thể chính trị - xã hội, cơ quan báo chí, truyền thông trong và ngoài Bộ trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện Luật Phòng chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016 - 2020. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra xử lý nghiêm các vi phạm theo quy định của luật pháp; chấn chỉnh và tăng cường hệ thống Thanh tra chuyên ngành, kể cả về cán bộ và thể chế để thực hiện tốt kế hoạch thanh tra, kiểm tra một cách chủ động; tập trung thanh tra, kiểm tra những lĩnh vực nhạy cảm như: quản lý, sử dụng đất, xây dựng cơ bản, cổ phần hoá, sản xuất kinh doanh giống, chất cấm trong thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, an toàn thực phẩm...

- Thực hiện nghiêm túc việc kê khai tài sản theo Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 3/01/2014 của Bộ Chính trị về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản và Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập.

- Tiếp tục củng cố và hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý ngành từ Trung ương đến địa phương; tập trung làm rõ chức năng, phân cấp quản lý giữa Trung ương và địa phương về các lĩnh vực: quản lý chất lượng nông sản, vật tư nông nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm... Triển khai Kế hoạch hành động của Bộ (ban hành kèm theo Quyết định số 3486/QĐ-BNN-KH ngày 23/8/2016) thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 05/8/2016 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 7/2016, sớm hoàn thành, trình Chính phủ ban hành Nghị định mới quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ; thực hiện rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các Tổng cục, Cục, Vụ theo hướng loại bỏ các chức năng, nhiệm vụ không phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường.

Thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế của Bộ gắn với cải cách tiền lương theo Kết luận số 63-KL/TW ngày 27/5/2013 của BCH Trung ương (khóa XI) và Nghị quyết của Chính phủ về tinh giản biên chế. Quản lý chặt chẽ biên chế cán bộ, công chức, viên chức; tiếp tục đẩy mạnh cải cách công vụ, công chức; hoàn thiện và tổ chức thực hiện Đề án vị trí việc làm, hệ thống chức danh cán bộ, công chức, viên chức.

- Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức của Bộ, ngành đủ năng lực, phẩm chất và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

hmb

+ Tăng cường công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức, năng lực công tác, tinh thần trách nhiệm và tính chuyên nghiệp. Thực hiện đổi mới công tác tuyển dụng, đào tạo, sử dụng, bổ nhiệm cán bộ, công chức. Chú trọng giáo dục phẩm chất đạo đức và trách nhiệm công vụ, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; phân công đúng người, đúng việc, tạo môi trường công tác tốt để phát huy năng lực, sở trường của cán bộ, công chức.

+ Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức.

- Hoàn thành Kế hoạch xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật của Bộ hàng năm và 5 năm 2016 - 2020: Tập trung xây dựng và trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV xem xét thông qua các Dự án: Luật Thủy lợi, Luật Lâm nghiệp, Luật Thủy sản (sửa đổi), Pháp lệnh Giống cây trồng (sửa đổi), Pháp lệnh Giống vật nuôi (sửa đổi). Hàng năm, chủ trì xây dựng và trình Chính phủ ban hành khoảng 15 - 20 Nghị định, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành 20 - 25 Quyết định và ban hành theo thẩm quyền của Bộ trưởng khoảng 40 - 50 thông tư.

11. Tăng cường quốc phòng, an ninh; kết hợp phát triển nông nghiệp, nông thôn với bảo đảm quốc phòng, an ninh; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế

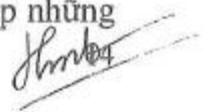
- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/W của BCH Trung ương Đảng (khóa XI) về Chiến lược bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới. Tổ chức triển khai Kế hoạch hành động của Bộ (ban hành kèm theo Quyết định 2779/QĐ-BNN-KH ngày 06/7/2016) về thực hiện Quyết định số 1022/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 1059/NQ-UBTVQH ngày 09/11/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện chính sách, pháp luật kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh trong quá trình xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành; phối hợp với các đơn vị của Bộ Quốc phòng và các địa phương xây dựng các mô hình bảo đảm quốc phòng, an ninh gắn với phát triển sản xuất nông, lâm, thủy sản, nhất là ở các địa bàn trọng yếu, dọc biên giới, bờ biển và hải đảo.

- Hàng năm xây dựng và triển khai Kế hoạch công tác quốc phòng, an ninh của Bộ, trong đó chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ, các Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện tốt nhiệm vụ kết hợp kinh tế với đảm bảo quốc phòng, an ninh.

- Thực hiện các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh, toàn toàn thông tin, nhất là thông tin mạng; thực hiện có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Thực hiện kế hoạch hành động của Chính phủ (Nghị quyết số 49/NQ-CP ngày 10/7/2014) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW (khóa X) về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh, bền vững sau khi gia nhập WTO, các chủ trương, chính sách đối ngoại và chiến lược thu hút đầu tư nước ngoài, các kế hoạch, chương trình hành động của Bộ về hội nhập quốc tế.

- Xây dựng các chương trình để triển khai các điều ước và thỏa thuận quốc tế song phương, đa phương và hội nhập đã và sẽ ký kết. Trên cơ sở đó thành lập những



việc chưa hoàn thành và nguyên nhân. Báo cáo gửi qua đường công văn và qua thư điện tử: longtg.kh@mard.gov.vn trước ngày 20 hàng tháng để tổng hợp báo cáo Chính phủ; Thủ tướng Chính phủ.

3. Giao Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ theo dõi và báo cáo kết quả thực hiện của các đơn vị tại cuộc họp giao ban thường kỳ tháng của Bộ.

4. Giao Văn phòng Bộ chủ trì phối hợp với Báo Nông nghiệp Việt Nam, các cơ quan liên quan làm tốt công tác truyền thông nhằm tạo sự đồng thuận trong Bộ, ngành và xã hội, doanh nghiệp, nông dân để phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch hành động đề ra.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)./.

BỘ TRƯỞNG



[Handwritten signature]
Nguyễn Xuân Cường

cơ quan chuyên trách để hỗ trợ và giám sát việc thực hiện các điều ước và thỏa thuận quốc tế có hiệu quả. Xây dựng và tổ chức thực hiện Chiến lược thu hút ODA, thu hút FDI; các chương trình, kế hoạch tăng cường và mở rộng hợp tác với các nước trong khu vực và trên thế giới, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ để tranh thủ, thu hút nguồn vốn, phát triển thị trường, khoa học công nghệ và đầu tư ra nước ngoài phục vụ cho các mục tiêu phát triển của ngành.

Tập trung đàm phán tháo gỡ các rào cản thương mại, phát triển thị trường xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản. Hướng dẫn và giám sát thực hiện các cam kết quốc tế về nông nghiệp. Tập trung hợp tác quốc tế về thiết lập đường giầy nóng, xử lý các vụ việc phát sinh trên biển và hợp tác khai thác, chế biến hải sản; hài hòa hóa các quy phạm thực hành nuôi thủy sản tốt với các tiêu chuẩn quốc tế khác.

12. Thực hiện tốt công tác thống kê, thông tin tuyên truyền, thi đua, khen thưởng

- Tăng cường năng lực công tác thống kê, dự báo và truyền thông đáp ứng nhu cầu quản lý, điều hành và phục vụ sản xuất, kinh doanh của ngành: Đẩy mạnh thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý, bao gồm quản lý hành chính, quản lý sản xuất, quản lý chiến lược - kế hoạch, quản lý tài chính, quản lý nhân sự và tài nguyên. Xây dựng hệ thống thông tin quản lý ngành để kết nối từ Trung ương đến địa phương. Xây dựng hệ thống thông tin thị trường có hiệu quả để hỗ trợ cho sản xuất kinh doanh và hoạch định chính sách.

- Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến để cải thiện môi trường kinh doanh, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Đẩy mạnh công khai, minh bạch và cung cấp thông tin về các vấn đề của ngành được xã hội quan tâm để tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao trong triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch hàng năm. Kịp thời đánh giá, tổng kết và phản ánh trung thực hoạt động của ngành; phát hiện, phê phán và ngăn chặn những hiện tượng tiêu cực, sách nhiễu và tuyên dương những gương người tốt, những việc làm hay để nhân rộng trong toàn ngành.

- Tập trung thực hiện tốt phong trào thi đua thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới và Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" trong toàn ngành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức trực thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc các Tổng công ty, Giám đốc các doanh nghiệp thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, căn cứ vào Kế hoạch hành động này để xây dựng kế hoạch cụ thể và triển khai thực hiện.

2. Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng và cuối năm các đơn vị tiến hành rà soát, báo cáo Bộ (Vụ Kế hoạch) kết quả thực hiện trong đó nêu rõ: Việc đã hoàn thành,

hm
15

DANH MỤC

Các chương trình, đề án thuộc Chương trình hành động của Bộ Nông nghiệp và PTNT PTNT thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 22/7/2016 của Chính phủ về Chương trình hành động triển khai thực hiện



Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020
Ban hành kèm theo Quyết định số: 3640/QĐ-BNN-KH ngày 05 / 9 /2016)

| TT | TÊN CHƯƠNG TRÌNH/ĐỀ ÁN | CƠ QUAN CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | THỜI GIAN TRÌNH | CẤP TRÌNH | HÌNH THỨC VĂN BẢN |
|---------------------------------------|---|-----------------|---|-----------------|-----------|--|
| I. Trồng trọt, bảo vệ thực vật | | | | | | |
| 1. | Đề án phát triển các vùng lương thực trọng điểm quốc gia | Cục Trồng trọt | Các Bộ: Công thương, TN và MT; các địa phương | 2016 - 2017 | Chính phủ | Quyết định của TTGCP phê duyệt Đề án |
| 2. | Đề án tái cơ cấu ngành hàng lúa gạo | Cục Trồng trọt | Bộ Công thương; các địa phương | 2016 - 2017 | Chính phủ | Quyết định của TTGCP phê duyệt (Bỏ đã phê duyệt tại Quyết định số 1898/QĐ-BNN-TT ngày 23/5/2016) |
| II. Chăn nuôi, thú y | | | | | | |
| 3. | Chương trình quốc gia phòng, chống bệnh Đại trên động vật giai đoạn 2016 - 2020 | Cục Thú y | Bộ Y tế | 2016 - 2017 | Chính phủ | Quyết định của TTGCP phê duyệt Chương trình |
| 4. | Đề án phát triển chăn nuôi các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc và Bắc Trung Bộ | Cục Chăn nuôi | Các địa phương | 2016 | Bộ | Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt Đề án |
| 5. | Đề án xây dựng hệ thống quản lý chăn nuôi quốc gia | Cục Chăn nuôi | Các địa phương | 2016 - 2017 | Bộ | Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt Đề án |
| 6. | Đề án xây dựng hệ thống quản lý giống vật nuôi quốc gia | Cục Chăn nuôi | Các địa phương | 2017 - 2018 | Bộ | Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt Đề án |
| 7. | Đề án quy hoạch các trạm kiểm dịch động vật | Cục Thú y | Vụ Tổ chức cán bộ | 2017- 2018 | Bộ | Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt Đề án |

Handwritten signature

| 8. | Đề án đổi mới cơ chế tự chủ của các Trung tâm sự nghiệp công lập thuộc Cục Thú y | Cục Thú y | Vụ Tổ chức cán bộ | 2016 - 2018 | Bộ | Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt Đề án |
|----------------------|--|-------------------|--|-------------|-----------|--|
| III. Thủy sản | | | | | | |
| 9. | Đề án phát triển nghề khai thác viễn dương tại Việt Nam | Tổng cục Thủy sản | Bộ Tài nguyên và MT | 2016 | Chính phủ | Quyết định của TTGCP phê duyệt Đề án |
| 10. | Đề án xây dựng hệ thống thông tin nghề cá Việt Nam | Tổng cục Thủy sản | Bộ Tài nguyên và MT | 2016 | Chính phủ | Quyết định của TTGCP phê duyệt Đề án |
| 11. | Đề án đổi mới xây dựng HTX và liên minh nghề cá | Tổng cục Thủy sản | Cục Kinh tế hợp tác và PINT | 12/2016 | Chính phủ | Quyết định của TTGCP phê duyệt Đề án |
| 12. | Đề án thành lập các trường Đại học thủy sản | Tổng cục Thủy sản | Vụ TCCB. Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ | 12/2016 | Chính phủ | Quyết định của TTGCP phê duyệt Đề án |
| 13. | Đề án thu hút vốn ngoài ngân sách hỗ trợ đầu tư vào cơ sở hạ tầng phát triển ngành thủy sản | Tổng cục Thủy sản | Vụ Kế hoạch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2017 | Bộ | Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt Đề án |
| 14. | Đề án nâng cao năng lực cạnh tranh ngành thủy sản trong bối cảnh Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế và triển khai các FTA với các đối tác lớn | Tổng cục Thủy sản | Cục CB NLTTS và NM; Vụ HTQT. Bộ Công thương | 2016 | Bộ | Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt Đề án |
| 15. | Đề án tăng cường năng lực thông kê và thông tin thủy sản | Tổng cục Thủy sản | Trung tâm Tin học và Thống kê | 10/2016 | Bộ | Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt Đề án |
| 16. | Đề án đào tạo thuyền trưởng và máy trưởng | Tổng cục Thủy sản | Vụ Tổ chức cán bộ | 10/2017 | Bộ | Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt Đề án |
| 17. | Đề án đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực của Tổng cục thủy sản | Tổng cục Thủy sản | Vụ Tổ chức cán bộ | 12/2016 | Bộ | Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt Đề án |
| 18. | Đề án xã hội hóa một số dịch vụ công thuộc lĩnh vực thủy sản | Tổng cục Thủy sản | Các Vụ: Tổ chức cán bộ, Tài chính, QLDN | 12/2016 | Bộ | Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt Đề án |

| IV. Lâm nghiệp | | | | | | | |
|---|--|-----------------------------|---|-------------|-----------|---|--|
| 19. | Đề án liên kết trong sản xuất lâm nghiệp giai đoạn 2016-2020 | Tổng cục Lâm nghiệp | Cục Kinh tế hợp tác và PTNT | 2016 - 2017 | Bộ | Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt Đề án | |
| 20. | Đề án cấp chứng chỉ rừng | Tổng cục Lâm nghiệp | Vụ Kế hoạch | 2016 - 2017 | Bộ | Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt Đề án | |
| 21. | Đề án phát triển lâm nghiệp công nghệ cao giai đoạn 2016-2030 | Tổng cục Lâm nghiệp | Vụ KHHCN và MT | 2016-2017 | Bộ | Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt Đề án | |
| V. Thủy lợi | | | | | | | |
| 22. | Đề án nâng cao năng lực Quốc gia về phòng, chống thiên tai | Tổng cục Thủy lợi | Bộ Tài nguyên và Môi trường | 2016-2017 | Chính phủ | Quyết định của TTgCP phê duyệt Đề án | |
| VI. Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm | | | | | | | |
| 23. | Đề án kiểm soát, ngăn chặn hành vi đưa tạp chất vào tôm nguyên liệu và sản xuất, kinh doanh sản phẩm tôm có tạp chất | Cục QL chất lượng NLS và TS | Tổng cục Thủy sản. Các Bộ: Y tế, Công thương | 2016 | Chính phủ | Quyết định của TTgCP phê duyệt Đề án | |
| 24. | Đề án tăng cường quản lý chất lượng nông lâm thủy sản giai đoạn 2016 - 2020 | Cục QL chất lượng NLS và TS | Các Bộ: Y tế, Công thương | 2016 | Bộ | Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt Đề án | |
| VII. Phát triển nguồn nhân lực ngành Nông nghiệp và PTNT | | | | | | | |
| 25. | Đề án quản lý Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp xã giai đoạn 2017 - 2025 | Vụ Tô chức cán bộ | Bộ Nội vụ; UBND cấp tỉnh | Quý IV/2016 | Chính phủ | Quyết định của TTgCP phê duyệt Đề án | |
| 26. | Đề án quy hoạch mạng lưới các tổ chức sự nghiệp công lập thuộc Bộ | Vụ Tô chức cán bộ | Các Vụ; Tài chính, KHHCN và MT, QLDN, Bộ Nội vụ | 2016 | Chính phủ | Quyết định của TTgCP phê duyệt Đề án | |
| VIII. Tài cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới | | | | | | | |
| 27. | Chương trình Khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 (Điều chỉnh) | Vụ KHHCN và MT | BCN CT KHHCN phục vụ XD NTM; Bộ KH và CN | 2016 - 2017 | Chính phủ | Quyết định của TTgCP phê duyệt Chương trình | |

Handwritten signature
3

| | | | | | | |
|-----|--|-------------------------|--------------------------------|-------------|----|--|
| 28. | Đề án thực hiện tái cơ cấu lĩnh vực trồng trọt năm 2014-2015 và giai đoạn 2016-2020 (Điều chỉnh) | Cục Trồng trọt | Vụ Kế hoạch | 2016 - 2017 | Bộ | Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt Đề án |
| 29. | Đề án tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và hội nhập quốc tế (Điều chỉnh) | Cục Chăn nuôi | Vụ Kế hoạch | 2016 - 2017 | Bộ | Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt Đề án |
| 30. | Đề án Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp (Điều chỉnh) | Tổng cục Lâm nghiệp | Vụ Kế hoạch | 2016 - 2017 | Bộ | Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt Đề án |
| 31. | Đề án tái cơ cấu ngành thủy sản theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững (Điều chỉnh) | Tổng cục Thủy sản | Vụ Kế hoạch | 2016 - 2017 | Bộ | Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt Đề án |
| 32. | Đề án tái cơ cấu ngành thủy lợi (Điều chỉnh) | Tổng cục Thủy lợi | Vụ Kế hoạch | 2016 - 2017 | Bộ | Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt Đề án |
| 33. | Đề án Nâng cao giá trị gia tăng hàng NLTS trong chế biến và giảm tổn thất sau thu hoạch (Điều chỉnh) | Cục Chế biến NLTS và NM | Các Tổng cục, Cục chuyên ngành | 2016 - 2017 | Bộ | Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt Đề án |

Đinh